

Số: 85/2026/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 16 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ cho trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp số 124/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 66/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;

Xét Tờ trình số 969/TTr-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cho trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Báo cáo thẩm tra số 64/BC-VHXXH ngày 08 tháng 7 năm 2026 của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ cho trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ cho trẻ em mầm non, học sinh, sinh viên vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em nhà trẻ, mẫu giáo bán trú thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn và trẻ em nhà trẻ, mẫu giáo bán trú là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo; trẻ em là con các đối tượng chính sách, người có công với cách mạng; trẻ em là

người khuyết tật hoặc không có nguồn nuôi dưỡng thường trú tại xã khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

b) Học sinh bán trú là người dân tộc thiểu số (không bao gồm học sinh thuộc hộ nghèo), thường trú tại xã khu vực II, khu vực I, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi;

c) Học sinh người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, thường trú tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông (hoặc điểm trường) thuộc xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (không bao gồm các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú);

d) Học sinh, sinh viên nội trú người dân tộc thiểu số, thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn đang học cao đẳng nghề, trung cấp nghề tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (không bao gồm học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, học sinh là người khuyết tật, học sinh tốt nghiệp trường phổ thông dân tộc nội trú);

đ) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Mức hỗ trợ và thời gian thực hiện

1. Hỗ trợ tiền ăn trưa đối với trẻ em nhà trẻ, mẫu giáo bán trú thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn và trẻ em nhà trẻ, mẫu giáo bán trú là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo; trẻ em là con các đối tượng chính sách, người có công với cách mạng; trẻ em là người khuyết tật hoặc không có nguồn nuôi dưỡng thường trú tại xã khu vực II, khu vực I vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 160.000 đồng/trẻ/tháng; thời gian hỗ trợ không quá 09 tháng/năm học.

2. Hỗ trợ tiền ăn đối với học sinh bán trú là người dân tộc thiểu số (không bao gồm học sinh thuộc hộ nghèo), thường trú tại xã khu vực II, khu vực I, thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 700.000 đồng/học sinh/tháng; thời gian hỗ trợ không quá 09 tháng/năm học.

3. Hỗ trợ tiền ăn đối với học sinh người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, thường trú tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đang học tại cơ sở giáo dục phổ thông (hoặc điểm trường) thuộc xã khu vực III, khu vực II, khu vực I, xã có thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (không bao gồm các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú): 240.000 đồng/học sinh/tháng; thời gian hỗ trợ không quá 09 tháng/năm học.

4. Hỗ trợ học sinh, sinh viên nội trú người dân tộc thiểu số, thường trú tại xã, thôn đặc biệt khó khăn đang học cao đẳng nghề, trung cấp nghề tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp (không bao gồm học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, học sinh là người khuyết tật, học sinh tốt nghiệp trường phổ thông dân tộc nội trú):

a) Học bổng: 1.900.000 đồng/tháng; thời gian hỗ trợ không quá 10 tháng/năm học.

b) Tiền mua đồ dùng cá nhân một lần: 1.000.000 đồng/khóa.

c) Tiền đi lại từ nơi học về gia đình và ngược lại: 200.000 đồng/năm.

5. Trường hợp học sinh, sinh viên thuộc đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ quy định tại các khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này, đồng thời thuộc đối tượng hưởng chính sách hỗ trợ cùng loại quy định tại văn bản quy phạm pháp luật khác thì chỉ được hưởng một chính sách có mức hỗ trợ cao nhất.

6. Thời gian thực hiện: Từ năm học 2026 - 2027.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Nguồn kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp hiện hành và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 26 tháng 7 năm 2026.

2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khoá XIII, Kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 16 tháng 7 năm 2026.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục KTVB&TCTHPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTHĐND, UBND, UBMTTQVN các xã, phường;
- Trung tâm PVHCC tỉnh (đăng tải trên công báo điện tử);
- Báo và Phát thanh truyền hình Gia Lai;
- Trang thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, hồ sơ kỷ họp.

CHỦ TỊCH



Rah Lan Chung